

Cô Gái Vạn Đà An Hội

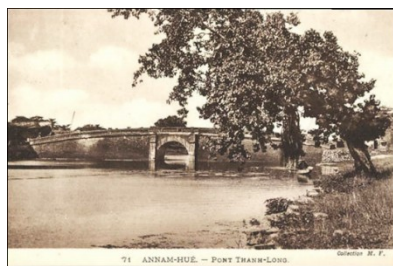
Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Lòng tôi bồi hồi cảm hoài khi xe chạy trên con phố chính của Huế là đường Trần Hưng Đạo trước chợ Đông Ba. Trước khi đến cầu Gia Hội, xe rẽ trái xuống đường Huỳnh Thúc Kháng, con đường người Huế quen gọi là ngã Hàng Bè đã từng chứng kiến quãng đời niên thiếu của tôi. Ngày xưa đó là nơi tập trung các vựa bán tre nứa, sản phẩm được người ta khai thác trên nguồn sông Hương rồi đóng bè thả xuôi theo dòng sông. Ngã Hàng Bè chạy dọc theo bờ sông Đông Ba (còn được gọi là sông Đào), lòn dưới cầu Đông Ba, qua cầu Thanh Long, và xuống tận Bao Vinh. Ký ức hiện về như một cuốn phim quay chậm với hình ảnh *thằng Bé* (tên ở nhà của tôi thuở bé) bước đôi chân sáo tung tăng trên con đường quen thuộc.

Cầu Đông Ba bắc ngang qua sông Đào, nối sang xóm Ngự Viên và chùa Diệu Đế. Ngự Viên ngày xưa là một vườn hoa do Phúc quốc công Hồ văn Bôi, ông ngoại vua Thiệu Trị, lập ra vào đầu thế kỷ thứ 19. Sau nhiều biến động lịch sử, vườn hoa tàn lụi vì không ai chăm sóc, và trở thành bãi đất trống. Dân chúng các nơi đến cất nhà ở và nhớ tích cũ, đặt tên xóm là Ngự Viên.

Thằng Bé “luông tuồng lóc lách” (lời của mẹ) hay “tự thị” (cũng lời của mẹ) đi một mình lên chùa Diệu Đế xem thầy hành lễ vào những dịp lễ lớn như lễ Phật đản hay Vu lan. Bọn trẻ Huế là *một cây* nói lái, hay bày trò nói lái để giỡn với nhau, và biết nằm lòng những tiếng ghép với “bốn” để nói tục. Do đó, lũ bạn thường chọc ghẹo chú về chuyện đi chùa Diệu Đế do câu hát,
*Đông Ba, Gia Hội hai cầu,
Ngó vô Diệu Đế bốn lần hai chuông.*

Bánh xe ký ức tiếp tục đưa tôi về trường tiểu học Thanh Long, ở đó *thằng Bé* học lớp nhất (lớp 5), lớp học chính thức đầu tiên của chú. Trường cách cầu Thanh Long một quãng ngắn và nằm kế bên lò mổ trâu bò. Đáng lẽ gọi lò mổ là “nhà Sát sinh,” nhưng người Huế kiêng nói tiếng “sát sinh” nên lấy tên “nhà Tế sinh” hay dùng tiếng Pháp *a-ba-toa* (abattoir) để gọi. Trường chỉ có một dãy nhà trệt gồm năm phòng học quay mặt qua nhà Tế Sinh, và đầu dãy nhìn ra sông Đào. Dòng chữ “Trường Tiểu học Thanh Long” đắp nổi trên đầu hồi phía ngoài đường nay không còn nữa.



Thằng Bé qua lại cầu Thanh Long hàng ngày, có khi một ngày vài ba bận. Cầu bắc ngang qua đoạn sông đào ngắn nối sông Đông Ba với Đông Thành Thủy quan. “Cửa đường thủy” này xưa

kia là một vị trí phòng thủ quan trọng ở mặt đông bắc kinh thành và nằm về đầu đông của Ngự hà, tức là hào nước quanh kinh thành. Những buổi trưa hè nắng gắt, chú đi qua cầu mà cảm thấy rờn rợn. Mẹ dặn chú không được qua cầu vào lúc đúng Ngọ (giữa trưa) vì đó là giờ ma ra đường. Những hồn ma bắt đầu xuất hiện sau ngày kinh đô thất thủ, 23 tháng Năm năm Ất Dậu (1885). Các cụ già Huế kể,

Quân ta bố trí mai phục ở cầu Thanh Long chặn quân Pháp từ tòa Khâm sứ bên kia sông Hương qua tiếp ứng cho đồn Mang Cá. Gần hai ngàn anh hùng vô danh tử tiết, xác lấp đầy dòng nước dưới cầu. Ngày đó kinh thành chìm ngập trong máu lửa, và thường dân chết như rạ. Chừ đốt cây (ngọn cây) mô cũng có dăm ba người cõng âm ở, con nít hay thanh niên đi ngang qua không khéo là bị vương với kẻ khuất mặt khuất mày.

“Vương” là bị người cõng âm, tức là ma, ám mà sinh bệnh. Qua khỏi cầu Thanh Long, xe chạy một khoảng là tới xóm Mang Cá, nơi *thằng Bé* sống phần lớn những năm ở Huế. Ở xóm này, gia đình chú dọn nhà đổi chỗ ở vài lần. Chỗ sau cùng là căn nhà mặt đường gần con đường từ bờ sông vào cửa Mang Cá (đúng ra là cửa Mang Cá Nhỏ hay Kẽ Trại).

Một hôm đi học về, *thằng Bé* nhập bọn với đám đồng bu lại xem thảm cảnh xảy ra tại khúc quẹo của sông Đào, cách nhà chú khoảng 200 thước. Chiếc tàu Kinh đô chở hành khách và hàng hóa từ Thuận An lên Huế mỗi ngày đi về hai bận, đang nằm chìm khuất dưới làn nước đục ngầu. Quang gánh nổi lều bều. Nạn nhân bị thiệt mạng là các phụ nữ buôn thúng bán mẹt, mang hàng lên chợ Đông Ba bán. Trong lúc người ta lặn xuống sông mò xác đưa lên, thân nhân đứng trên bờ khóc lóc thảm thiết. Lần đầu tiên chú trông thấy người chết; sao nhiều người chết quá vậy? Hôm sau, chú được xem người ta trục tàu lên và chất trên bờ những bao “gạo tạ,” mỗi bao nặng 100 kí, đã bốc mùi chua vì ngâm nước.

Mãi gửi hồn về dĩ vãng, tôi không nhận ra xe đã đi hết một vòng và trở về trước chợ Đông Ba. Quỳnh Châu vin tay tôi,

“Em biết anh còn muốn đi thăm các nơi chốn kỷ niệm, nhưng sắp đến giờ hẹn họp mặt từ giã ở quán cơm Âm phủ với mấy anh chị bạn anh. À, tên gì mà nghe âm u rùng rợn, tưởng như sẽ ngồi ăn cơm với cô hồn các đẳng vậy?”

“Nhưng chưa ghê bằng tên đường ‘Âm hồn’ trong Thành Nội đâu! Đường này có miếu Âm hồn thờ quân lính và dân chúng nằm chết la liệt ngoài đường ngày kinh đô thất thủ. Thời anh học trung học đệ nhất cấp ở trường Hàm Nghi, đường mang tên Nguyễn Huệ, nhưng dân Huế cứ ‘Âm hồn’ mà gọi.”

“Ngoài bốn người em đã gặp là vợ chồng chị Xuân Liên và hai anh Lâu và Thảo, tối nay còn có ai nữa? Ông dõng này xa Huế hơn bốn chục năm mà vẫn còn lắm bạn lắm bè!”

“Anh nhờ Đình chồng Liên kêu mấy thằng bạn học cũ ở Hàm Nghi và Quốc Học tới chơi. Không biết được mấy đứa.”

* * *

Trong quán cơm Âm phủ, cả bọn *Ba Hoa* ngồi xúm xít quanh hai chiếc bàn chữ nhật đầu đầu với nhau.Ồn ào nhất là Phán, ngày trước là cây chọc cười của đệ tam (lớp 10) B3 Quốc Học của tôi.

Cầm Bích vợ Phán, hồi đó nổi tiếng là một người đẹp cửa Thượng Tứ với mái tóc dài xõa quá eo, cũng hoạt bát và liến thoắng như chồng. Phán đưa tay về phía tôi trên chóc,

“Chào mừng chàng thôn phu xóm Mang Cá trở về thăm núi Ngự sông Hương,

Núi Ngự không cây, chim đậu đất,

Sông Hương vắng khách, dĩ kêu trời.”

“Ông dôông tui nói hoang [nói tục] mà không biết *dớp* [dơ] miệng tề [kia]!” Cầm Bích nguyệt chồng, “Hay ông lên lút đi ngủ đò mà tui không hay?”

“Mạ mấy đứa đừng nói tầm bậy tầm bạ mà bạn cười cho,” Phán thấy thế nguy vội vàng xuống nước, “Anh muốn nói Huế mình có sông Hương núi Ngự không *mô* đẹp bằng. Như tình yêu trai gái của đất Thần kinh,

Núi Ngự Bình mơ màng trăng gió,

Niềm tâm tư ai thấu rõ cho mình?

Đoái nhìn sông Hương nước chảy thanh thanh,

Sông bao nhiêu nước, dạ em thương mình bấy nhiêu.”

“Rúa ai ám chỉ chuyện ngủ đò bậy bạ?” dù đã nguôi ngoai, nàng vớt vát để chứng tỏ ta đây chưa hết giận.

Phán xoa tay làm bộ xun xoe, trông bộ . . . *thờ bà* (sợ vợ) hết sức,

“Mạ mấy đứa *ưng* [muốn] anh nói thú ngủ đò cho vợ chồng *Ba Hoa* nghe *hỉ*? Đó là thú tao nhã đặc biệt đối với du khách viếng Huế: thuê thuyền ra giữa dòng và ngủ bồng bênh trên mặt nước. Trên đầu là trăng sao, chung quanh là gió mát cùng tiếng hò câu hát vọng lại từ thuyền xa. Khách tha hồ uống trà thưởng trăng hay chén tạc chén thù với bằng hữu. Còn *chi* thơ mộng bằng?”

“Từ hồi chưa lấy anh, em đã biết cái miệng có quai của anh nói xuôi cũng được, nói ngược cũng xong. *Tui* chịu thua *ông tướng* rồi,” Cầm Bích phì cười; thế là Phán tai qua nạn khỏi.

Tuy nhiên, một bạn khác là Đỉnh nêu lên một thực tế phũ phàng,

“Khổ nổi, trên đời này có nhiều đàn ông phàm phu tục tử ưa tìm thú vui nhục dục, *chớ* không phải ai cũng đàn ông hào hoa tử tế như *tui*.”

“Tạm tin *ông dôông* của em đứng đắn như *rúa* đi,” Xuân Liên vợ Đỉnh cười mát.

“Lại có những kẻ trục lợi, tìm cách moi tiền người khác. Và thế gian cũng có những cô gái có nhan sắc mà không có nghề nghiệp hay vốn liếng để buôn bán kiếm sống. Do đó, ‘đi ngủ đò’ thường đồng nghĩa với tìm vui ở xóm yên hoa,” Đỉnh nói tiếp.

“Đồng ý với thằng Đỉnh,” tôi bỗng nhớ chuyện cũ và nói với các bạn, “Khi người ta đến đường cùng, *bụng đói, đầu gối phải bò*. Không có nghề gì xấu xa, miễn là không làm hại kẻ khác. Nghề ‘gái dưới đò’ cũng vậy. Để tôi kể cho các bạn nghe chuyện mình đã trải qua.”

Năm đó tôi học đệ tam cùng với Phán và Đỉnh. Đệ tam là lớp “ăn chơi” vì cuối năm không phải thi, và chương trình học nhẹ hều. Ban đêm đạp xe chơi lang thang ngoài đường với bạn, tôi thường về khuya qua ngã Hàng Bè. Đò đậu hai bên bờ sông Đào từ cầu Gia Hội đến cầu Đông Ba và rải rác tới cửa Mang Cá đều thuộc vạ đò An Hội. (Đò trên sông Hương hợp lại với nhau thành nhóm gọi là “vạ đò,” mỗi nhóm đậu tại một khu vực riêng.) Hầu hết giới buôn hương bán phấn trên sông thuộc vạ đò An Hội nên tôi thường bị các bà mối lái sồn sồn cỡ trên dưới

tứ tuần tưởng là người lớn và vẫy tay mời gọi, “Đò cậu?” Khi người được mời dừng lại, họ đưa ra mẫu người đẹp cho khách chọn, “*Phi-dê*, búi, hay thề?” “Phi dê” (tiếng Pháp “*frisé*”) là uốn tóc kiểu tân thời, “búi” (búi hay búi) là quần tóc lối cổ điển thành lọn to sau ót, và “thề” là để tóc thề kiểu nữ sinh Đồng Khánh.

Tôi thường giả cầm giả điếc đạp xe qua khỏi. Một hôm, tôi nghe tiếng mời trong trẻo và rụt rè của một thiếu nữ có mái tóc thề. Chị trông lớn hơn tôi ba, bốn tuổi là cùng. Vốn “luông tuồng lóc lách,” tôi không ngần ngại dừng xe lại,

“*Tui* còn nhỏ không có tiền và cũng không biết chuyện người lớn. Bữa *ni tui* mới thấy chị lần đầu, không biết chuyện *chi* xảy tới cho *cấy* [cái] bác hơi *tra tra* [già già] hay đứng đây?”

“*Mạ* chị đó! Bữa *ni mạ* đau nằm liệt dưới đò,” chị tóc thề ngạc nhiên, nhưng cũng dịu dàng trả lời, “Chị đứng mời khách thế cho *mạ*.”

“*Rứa* chị có ‘làm gái’ không?” tôi buột miệng hỏi vô duyên.

“Chính ra chị chèo đò và kêu xuống nan tới bán đồ ăn khuya cho khách. Nhưng nếu khách *ưng*,” chị chỉ mái tóc thề, “Chị cũng *mần* [làm] luôn. Ngay cả *mạ*, đôi khi khách có ý lạ đời, *ưng liền bà tra trăn* già già, *mạ* cũng ‘đi.’ Kiếm cơm bỏ vô miệng mà cậu!”

Tôi đạp xe về nhà, lòng xao xuyến. Vì chén cơm mà hai mẹ con chị tóc thề cắn răng “làm gái.” Làm sao giúp đỡ bà mẹ đau ốm? Một giải pháp bỗng lóe lên trong đầu. Tôi đang giữ một vật đáng giá, không biết dùng làm gì mà phải giấu giếm mọi người – một điều khó xử có nguồn gốc từ người bạn di cư chín năm trước. Số là cuối hè 1954, mẹ đưa anh Quang, tôi, và Sang em kế từ Quảng Bình di cư vào Nam. Trong trại tạm cư ở Đà Nẵng, gia đình tôi nằm cạnh gia đình Dương, một cô gái trạc tuổi Quang. Chị nể phục sự can đảm của anh và khi chúng tôi rời khỏi trại về nhà người bà con, cởi sợi dây chuyền tượng Phật đang đeo trên cổ đưa tặng anh và nói chắc nịch,

“Mai mốt lớn *mi* muốn lấy *tau*, *tau ưng* liền. Gái Quảng Bình nói là nhớ đời.”

Quang cầm sợi dây chuyền nhìn mẹ, mẹ khẽ lắc đầu; anh lúng túng trả lại. Tám năm sau, cuối hè năm ngoái, tôi thi đậu Trung học Đệ nhất cấp và được mẹ thưởng, cho theo cậu Há em chú bác của mẹ đi Quảng Trị thăm bạn cậu. Không dè bạn cậu lại là cha Dương. Tôi ở lại nhà chị mấy ngày, và khi tiễn tôi ra xe về Huế, chị nhét vào túi áo tôi sợi dây chuyền,

“*Bé* đưa *cấy ni* cho Quang giùm mình và nói mình vẫn chờ *eng* [anh].”

Lúc ấy Quang đã có ý trung nhân, và mẹ rất yêu mến chị này. Tôi biết chắc nếu đưa sợi dây chuyền và chuyển lời Dương cho Quang, tôi sẽ không được yên thân với anh rất lâu. Tôi giữ sợi dây chuyền mà nơm nớp sợ bị khám phá ra. Giờ đây, điều tôi định làm sẽ *nhất cử lưỡng tiện*, một công đôi việc.

Tối hôm sau, tôi đạp xe qua ngã Hàng Bè. Chị tóc thề còn đứng mời khách, chắc *mạ* chị còn bệnh. Thấy tôi, chị thoáng mừng rỡ. Tôi dừng xe đưa sợi dây chuyền,

“*Tui* không biết *cấy ni* đáng giá mấy trăm và có đủ cho chị mua thuốc cho bác hay không. *Hắn* là của *tui*, chị không lo phiền phức và cũng không cần làm *chi* cho *tui* hết.”

Tôi đạp xe đi thật nhanh. Tôi không hỏi tên chị – biết cũng chẳng để làm gì. Thôi thì gọi chị là cô gái vận đồ An Hội.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Giêng, 2026